TẠP CHÍ
Kinh tế - Tài chính
VIETNAM ECONOMIC & FINANCIAL REVIEW
TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH
ISSN 3093 - 3390
CƠ QUAN CỦA BỘ TÀI CHÍNH
Kỳ 3 tháng 8/2026 (Số 33)



PHÁT TRIỂN DU LỊCH SÁNG TẠO TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

https://tapchikinhtetaichinh.vn

THÔNG TIN LÝ LUẬN VÀ NGHIỆP VỤ KINH TẾ - TÀI CHÍNH
GIỚI THIỆU, CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CÁC ẤN PHẨM CỦA TẠP CHÍ
KINH TẾ - TÀI CHÍNH

TẠP CHÍ Kinh tế-Tài chính
CƠ QUAN CỦA BỘ TÀI CHÍNH

p-ISSN 3093-3390
Xuất bản 3 kỳ/tháng, điểm khoa học 0,75

Vietnam Economic & Financial Review
REVIEW OF THE MINISTRY OF FINANCE

p-ISSN 3093-3722
Xuất bản 2 tháng/kỳ, điểm khoa học 0,75.

Nghiên cứu Kinh tế - Tài chính Online
TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-334X
https://nghiencuu.tapchikinhtetaichinh.vn
Điểm khoa học 0,75.

Kinh tế - Tài chính Online
TẠP CHÍ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

e- ISSN 3093-3498
https://tapchikinhtetaichinh.vn

Thuế & Hải quan Online
CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3501
https://thuehaiquan.tapchikinhtetaichinh.vn

An sinh xã hội Online
CHUYÊN TRANG CỦA TẠP CHÍ KINH TẾ - TÀI CHÍNH

e-ISSN 3093-3552
https://ansinh.tapchikinhtetaichinh.vn

TÀI CHÍNH - KINH DOANH

275 Phát triển Fintech xanh ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp **Trương Thị Bích**
278 Hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2023-2025 **Nguyễn Xuân Huynh, Nguyễn Thị Bưởi, Vũ Trung Nghĩa**
282 Tác động của chuyển đổi số đến hiệu quả kinh doanh tại các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam **Lê Duy**
287 Tác động của chuyển đổi số đến hiệu quả quản trị tại các ngân hàng thương mại Việt Nam **Nguyễn Thành Công**
291 Mối quan hệ giữa chiến lược kinh doanh, báo cáo tích hợp và giá trị doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm từ các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam **Trần Thị Thanh Thanh**
295 Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của khách hàng cá nhân tại Sacombank Chi nhánh Bình Dương **Lê Cẩm Tiên, Hà Lâm Oanh**
300 Bàn về bộ chỉ số tổng hợp áp dụng quản trị rủi ro của doanh nghiệp **Từ Quang Phương**
306 Chuyển đổi số và hiệu quả hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp **Vương Thị Thanh Nhàn**
311 Tác động của chuyển đổi số đến hiệu quả công tác kế toán thuế tại các doanh nghiệp Việt Nam **Lê Nguyễn Bích Trâm**
315 Giải pháp hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động thu, chi tại đơn vị sự nghiệp y tế công lập **Lê Tú Anh, Ngô Anh Tuấn**
319 Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng mô hình kế toán chi phí trên cơ sở hoạt động (ABC) tại các doanh nghiệp may khu vực Đồng bằng sông Cửu Long **Nguyễn Thị Mỹ Ân**

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

324 Vai trò của kinh tế sáng tạo trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam **Lê Nguyễn Diệu Anh**
329 Mô hình thuế đối với tài sản mã hóa: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam **Phạm Thị Tường Vân**
334 Phát triển quản lý gia sản và hệ sinh thái văn phòng gia đình tại trung tâm tài chính quốc tế: Kinh nghiệm Singapore và hàm ý cho Việt Nam **Nguyễn Thị Hà Anh**
340 Phát triển tài chính cho đa dạng sinh học tại Việt Nam: Kinh nghiệm quốc tế và góc nhìn từ chuyên gia **Trịnh Minh Ngọc, Nguyễn Thị Hồng Thúy, Lê Hà Thanh**
345 Kinh nghiệm quốc tế về mô hình lưu ký tài sản số và vận hành sàn giao dịch vàng gắn với ngân hàng thương mại **Lê Thanh Huyền, Ngô Quý Bằng**
348 Ảnh hưởng của nhận thức ESG đến hiệu suất bền vững tại các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp khu vực Đông Nam Bộ **Nguyễn Vương Thành Long**
352 Yếu tố ảnh hưởng đến vận dụng kỹ thuật kế toán quản trị hiện đại tại các doanh nghiệp logistics trên địa bàn Đông Nam Bộ **Phạm Xuân Quang**
356 Ảnh hưởng của truyền thông mạng xã hội đến ý định lựa chọn du lịch bền vững: Trường hợp nghiên cứu khách du lịch Gen Y **Trần Thị Thanh Xuân, Trần Huyền Trang**
360 Phát triển sự gắn kết phi chính thức giữa các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng sản xuất: Kinh nghiệm ở một số quốc gia và hàm ý cho Việt Nam **Nguyễn Ngọc Anh, Phạm Thị Xuân Thoa, Mai Minh Thư, Nguyễn Ngọc Hiền Diệu, Trần Ngọc Anh Thư, Tạ Thảo Chi**
365 Kinh nghiệm phát triển hệ thống logistics của TP. Singapore và đề xuất cho TP. Hà Nội **Phạm Quang Thanh**
372 Vai trò của nguồn nhân lực cộng đồng trong phát triển du lịch làng nghề sáng tạo tại Hà Nội và kinh nghiệm từ Nhật Bản **Trần Kim Loan, Phạm Thị Nhạn**
377 Ảnh hưởng của các nhân tố tới hiệu quả chuỗi cung ứng bán lẻ hiện đại ngành hàng thực phẩm tại TP. Hà Nội **Nguyễn Thị Thanh Huyền**
380 Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định vay vốn của khách hàng tại Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã TP. Hà Nội **Lê Thu Hạnh, Nguyễn Thu Nga**
385 Yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam: Bằng chứng từ sinh viên các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh **Vũ Ngọc Khánh Linh, Võ Đức Duy**
388 Tác động của cảm nhận giá trị xanh và sự thích thú đến ý định mua thực phẩm xanh của người dân TP. Hồ Chí Minh: Vai trò trung gian của niềm tin xanh **Nguyễn Thị Ngọc Duyên**
393 Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người thụ hưởng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập ở TP. Hồ Chí Minh **Trần Hữu Tường, Đỗ Thế Thắng**
398 Phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới: Các nhân tố tác động và hàm ý **Nguyễn Mạnh Hùng**
401 Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp tại tỉnh Khánh Hòa **Đoàn Thị Chuyên, Đỗ Văn Ly**
405 Ảnh hưởng của hoạt động quản lý rủi ro đến hiệu suất chuỗi cung ứng: Bằng chứng từ các doanh nghiệp tại TP. Đồng Nai **Nguyễn Thị Bạch Tuyết**
410 Mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định du lịch Phú Quốc của du khách nội địa **Phạm Long Châu, Dương Xuân Cường**
414 Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu bền vững tại Công ty Cổ phần Dệt May 29/3, TP. Đà Nẵng **Trần Thị Giang, Dương Thị Tuyết**
417 Xây dựng mô hình các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại tỉnh Đắk Lắk **Võ Minh Đức, Phạm Kim Loan**
421 Chỉ số kinh tế di sản và bẫy sinh kế thấp tại Làng gốm Phù Lãng: Hàm ý chính sách phát triển bền vững **Lê Hải Hà**
428 Thuế TP. Hà Nội: Các giải pháp giúp doanh nghiệp gỡ "nút thắt" mã số thuế treo, tránh hệ lụy pháp lý **Trung Kiên**

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU BỀN VỮNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY 29/3, TP. ĐÀ NẴNG

TRẦN THỊ GIANG[1], DƯƠNG THỊ TUYẾT[2]

Tóm tắt

Nghiên cứu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu bền vững tại Công ty Cổ phần Dệt May 29/3, TP. Đà Nẵng. Dữ liệu được thu thập từ 200 nhân viên của Công ty và phân tích bằng các phương pháp kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tuyến tính bội. Kết quả cho thấy, năng lực doanh nghiệp và trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo có tác động tích cực, trong đó, năng lực doanh nghiệp là yếu tố có mức độ ảnh hưởng lớn nhất. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy hoạt động xuất khẩu bền vững của doanh nghiệp.

Từ khóa: *Xuất khẩu bền vững, năng lực doanh nghiệp, đổi mới sáng tạo, dệt may*

FACTORS AFFECTING SUSTAINABLE EXPORT ACTIVITIES AT MARCH 29 TEXTILE – GARMENT JOINT STOCK COMPANY IN DA NANG CITY

Abstract

This study analyzes the factors affecting sustainable export activities at March 29 Textile - Garment Joint Stock Company in Da Nang City. Data were collected from 200 employees of the company and analyzed using Cronbach's Alpha reliability testing, exploratory factor analysis, and multiple linear regression. The results show that, enterprise capability and technological capability and innovation have positive, with enterprise capability having the strongest influence. Based on these findings, the study proposes several managerial implications to enhance the company's competitiveness and promote sustainable export activities.

Keywords: *Sustainable exports, enterprise capability, innovation, textile and garment industry*

Ngày nhận bài: 2/6/2026; Ngày hoàn thiện biên tập: 9/8/2026; Ngày duyệt đăng: 16/8/2026

GIỚI THIỆU

Phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu quan trọng đối với hoạt động thương mại quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng. Đối với ngành dệt may Việt Nam – một trong những ngành xuất khẩu chủ lực nhưng sử dụng nhiều lao động, năng lượng và tài nguyên – yêu cầu chuyển đổi sang mô hình sản xuất và xuất khẩu bền vững ngày càng trở nên cấp thiết (Hiệp hội Dệt May Việt Nam, 2024).

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về xuất khẩu bền vững, các nghiên cứu chuyên sâu ở cấp độ doanh nghiệp cụ thể vẫn còn hạn chế. Công ty Cổ phần Dệt May 29/3, TP. Đà Nẵng là doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu tương đối ổn định và đang từng bước triển khai các định hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, mức độ tác động của từng yếu tố đến hoạt động xuất khẩu bền vững của Công ty chưa được lượng hóa đầy đủ. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu bền vững tại Công ty Cổ phần Dệt May 29/3; qua đó đề xuất một số hàm ý quản trị góp phần nâng cao hiệu quả và tính bền vững của hoạt động xuất khẩu.

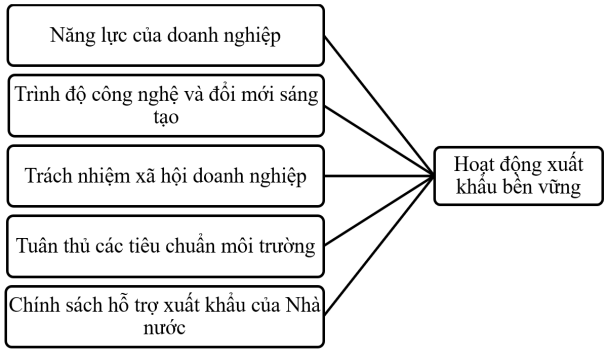
CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Trong những năm gần đây, phát triển bền vững đã trở thành một trong những tiêu chí quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu. Theo UNCTAD (2023), khả năng duy trì thị trường xuất khẩu ngày càng phụ thuộc vào mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường, lao động và quản trị trong chuỗi cung ứng. Đối với ngành dệt may, những yêu cầu liên quan đến sản xuất xanh, trách nhiệm xã hội và tính minh bạch đang tác động trực tiếp đến khả năng tiếp cận thị trường cũng như năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Nhiều nghiên cứu cho thấy, năng lực nội tại của doanh nghiệp là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu (Trần và Phạm, 2022). Theo lý

[1] *TS., Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế; Email: ttgiang@hce.edu.vn*
[2] *CN., Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế*

HÌNH 1: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

thuyết nguồn lực, lợi thế cạnh tranh bền vững được hình thành từ việc doanh nghiệp sở hữu và khai thác hiệu quả những nguồn lực có giá trị, khan hiếm và khó bắt chước (Barney, 2021).

Bên cạnh năng lực doanh nghiệp, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem là động lực quan trọng thúc đẩy năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng thích ứng của doanh nghiệp. Teece (2022) cho rằng năng lực đổi mới và khả năng tổ chức linh hoạt giúp doanh nghiệp ứng phó tốt hơn với rủi ro và những thay đổi của môi trường kinh doanh. Đối với ngành dệt may, đầu tư công nghệ không chỉ góp phần giảm chi phí sản xuất mà còn giúp doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn bền vững của thị trường nhập khẩu.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng có thể tác động đến hiệu quả xuất khẩu thông qua việc cải thiện uy tín, nâng cao chất lượng quan hệ với người lao động và đáp ứng yêu cầu của đối tác quốc tế (Võ và Lê, 2024). Đồng thời, việc tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và lao động đang trở thành yêu cầu phổ biến trong thương mại quốc tế. Các chính sách hỗ trợ phù hợp của Nhà nước có thể giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh (UNCTAD, 2023).

Trên cơ sở tổng quan lý thuyết và các nghiên cứu liên quan, nghiên cứu đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình 1. Các giả thuyết nghiên cứu được phát biểu như sau:

H1: Năng lực doanh nghiệp tác động tích cực đến xuất khẩu bền vững

H2: Công nghệ và đổi mới sáng tạo tác động tích cực đến xuất khẩu bền vững

H3: Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp tác động tích cực đến xuất khẩu bền vững

H4: Tuân thủ tiêu chuẩn môi trường tác động tích cực đến xuất khẩu bền vững

H5: Chính sách hỗ trợ của Nhà nước tác động tích cực đến xuất khẩu bền vững

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu bền vững tại Công ty Cổ phần Dệt May 29/3. Dữ liệu được thu thập bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện đối với nhân viên đang làm việc tại Công ty trong khoảng thời gian từ tháng 11/2025 đến tháng 2/2026. Sau quá trình thu thập và sàng lọc, 200 bảng khảo sát hợp lệ được đưa vào phân tích. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS thông qua 3 bước: kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá (EFA); hồi quy tuyến tính bội. *Nghiên cứu sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*.

BẢNG 1: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY THANG ĐO CÁC YẾU TỐ

Yếu tố	Số biến	Cronbach's Alpha
Hoạt động xuất khẩu bền vững (BV)	3	0.780
Năng lực của doanh nghiệp (NL)	3	0.897
Trình độ công nghệ và đổi mới sáng tạo (CN)	4	0.861
Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (TN)	3	0.829
Tuân thủ tiêu chuẩn môi trường (MT)	4	0.707

Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả

BẢNG 2: KẾT QUẢ EFA ĐỐI VỚI CÁC BIẾN ĐỘC LẬP

Biến quan sát	Nhân tố			
	CN	NL	TN	MT
CN1	.877			
CN3	.861			
CN4	.813			
CN2	.806			
NL2		.955		
NL1		.908		
NL4		.867		
TN3			.897	
TN1			.839	
TN2			.835	
MT3				.745
MT4				.735
MT2				.707
MT1				.650
Eigenvalue	3.045	2.546	2.291	1.817
Cumulative (%)	21.753	39.941	56.307	69.286

Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định lần đầu cho thấy thang đo "Chính sách hỗ trợ của Nhà nước" có hệ số Cronbach's Alpha < 0.7 nên bị loại khỏi mô hình. Sau khi kiểm định lại, các thang đo còn lại đều có hệ số Cronbach's Alpha từ

BẢNG 3: KẾT QUẢ EFA VỚI BIẾN PHỤ THUỘC	
Hoạt động xuất khẩu bền vững	Nhân tố
	BV
BV4	.928
BV3	.886
BV2	.857
Eigenvalue	2.424
Cumulative (%)	60.609

Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả

BẢNG 4: MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA MÔ HÌNH HỒI QUY					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.836a	.699	.692	.54405	1.729

Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả

0.7 trở lên và hệ số tương quan biến - tổng từ 0.3 trở lên (Bảng 1). Như vậy, các thang đo bảo đảm độ tin cậy và phù hợp để tiếp tục phân tích EFA.

Phân tích EFA

Đối với biến độc lập

Kết quả EFA với các biến độc lập tại Bảng 2 cho thấy, hệ số KMO đạt 0.709 và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. = 0.000). Kết quả phân tích xác định được 4 nhân tố, với tổng phương sai trích đạt 69.286%, phản ánh các nhân tố giải thích tốt sự biến thiên của dữ liệu. Đồng thời, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố > 0.5 nên được giữ lại cho các bước phân tích tiếp theo.

Đối với biến phụ thuộc

Kết quả EFA đối với biến phụ thuộc cho thấy, dữ liệu đáp ứng yêu cầu phân tích nhân tố với KMO > 0.5 và Sig. Bartlett = 0.000 (Bảng 3). Các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố > 0.5, đáp ứng yêu cầu để đưa vào phân tích hồi quy.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội

Kết quả hồi quy cho thấy, mô hình có mức độ giải thích tốt với R^2 hiệu chỉnh đạt 0.692. Đồng thời, hệ số Durbin–Watson = 1.729 cho thấy không có hiện tượng tự tương quan của phần dư (Bảng 4).

BẢNG 5: KẾT QUẢ HỒI QUY						
Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	VIF
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			
Hằng số	.384	.363		1.056	.292	
NL	.817	.039	.824	20.921	.000	1.003
CN	.111	.042	.103	2.609	.010	1.016
TN	-.033	.046	-.029	-.723	.471	1.035
MT	-.005	.069	-.003	-.078	.938	1.028

Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả

Kết quả hồi quy tại Bảng 5 cho thấy, năng lực doanh nghiệp và trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo có tác động tích cực, có ý nghĩa thống kê đến hoạt động xuất khẩu bền vững với giá trị Sig. lần lượt là 0.000 và 0.010. Trong đó, năng lực doanh nghiệp có mức độ tác động lớn nhất với hệ số Beta chuẩn hóa đạt 0.824. Ngược lại, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường chưa cho thấy tác động có ý nghĩa thống kê trong phạm vi mẫu nghiên cứu.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động xuất khẩu bền vững của Công ty Cổ phần Dệt May 29/3 chịu tác động tích cực của năng lực doanh nghiệp và trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo; trong đó, năng lực doanh nghiệp có ảnh hưởng mạnh nhất. Mô hình giải thích được 69.2% sự biến thiên của hoạt động xuất khẩu bền vững.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý quản trị đối với đơn vị nghiên cứu như sau: Nâng cao năng lực quản trị, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực tài chính nhằm tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý và xuất khẩu nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động; Tăng cường thực hiện trách nhiệm xã hội và các cam kết về môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế, nâng cao uy tín và phát triển xuất khẩu bền vững.■

Tài liệu tham khảo:

1. Barney, J. B. (2021). Resource-based theory of competitive advantage: Implications for strategy research and practice. *Strategic Management Journal, 42(*8), 1370–1396.
2. Hiệp hội Dệt May Việt Nam. (2024). *Báo cáo tổng kết ngành dệt may Việt Nam năm 2024.*
3. Teece, D. J. (2022). Dynamic capabilities and organizational agility: Risk, uncertainty, and strategy in the innovation economy. *California Management Review, 64*(4), 5–28.
4. Trần, T. T., & Phạm, H. L. (2022). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu của doanh nghiệp sản xuất Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển,* (301), 67–76.
5. United Nations Conference on Trade and Development. (2023). *Trade and development report 2023: Growth, debt, and climate*. United Nations.
6. Võ, H. D., & Lê, T. H. (2024). Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và hiệu quả xuất khẩu của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các nền kinh tế mới nổi. *Tạp chí Kinh tế Việt Nam*, (102), 45–52.